

Số: **44** /NQ-HĐND

Buôn Ma Thuột, ngày **20** tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư
các dự án sử dụng ngân sách Thành phố giai đoạn 2021 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 16/04/2021 và Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 29/12/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố về việc quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh, bổ sung quyết định chủ trương đầu tư các dự án sử dụng ngân sách Thành phố giai đoạn 2021 - 2025;

Xét Tờ trình số 238/TTr-UBND ngày 24/06/2022 của UBND Thành phố Buôn Ma Thuột về việc quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh, bổ sung quyết định chủ trương đầu tư các dự án trên địa bàn thành phố; Trên cơ sở Báo cáo thẩm tra số 311/BC-HĐND ngày 19/07/2022 của Ban Kinh tế - Xã hội và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định chủ trương đầu tư và điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư đối các dự án nhóm B, C sử dụng vốn ngân sách Thành phố, bao gồm:

I. Quyết định chủ trương đầu tư 09 dự án (01 dự án nhóm B và 08 dự án nhóm C) sử dụng vốn ngân sách Thành phố giai đoạn 2021 - 2025, gồm:

1. Quyết định chủ trương đầu tư 01 dự án nhóm B sử dụng vốn ngân sách Thành phố giai đoạn 2021 - 2025 để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng khai thác

quỹ đất tạo nguồn đầu tư phát triển: Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu dân cư hai bên đường N19 (đường Giải Phóng nối dài) thuộc phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột.

2. Quyết định chủ trương đầu tư 08 dự án nhóm C sử dụng vốn ngân sách Thành phố giai đoạn 2021 – 2025, gồm:

2.1. Dự án Cải tạo đường 10 tháng 3 và đường 30 tháng 4 thành phố Buôn Ma Thuột.

2.2. Dự án Sơn vạch kẻ đường các tuyến đường trên địa bàn Thành phố.

2.3. Dự án Xây dựng khung chỉnh trang giàn hoa giấy trên giải phân cách đường 10 tháng 3 và đường 30 tháng 4, thành phố Buôn Ma Thuột.

2.4. Dự án Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc công an các phường: Thống Nhất, Thắng Lợi, Tân Tiến, Thành Nhất, Tân Hòa, Tân Thành và Ea Tam.

2.5. Dự án Hội trường Tổ dân phố 4, phường Thắng Lợi.

2.6. Dự án Sửa chữa trụ sở làm việc UBND xã Hòa Xuân.

2.7. Dự án Xây dựng Trung tâm điều hành giám sát camera tập trung thành phố Buôn Ma Thuột.

2.8. Dự án Cải tạo nhà làm việc, làm mới nhà vệ sinh Trụ sở làm việc 27 Trường Chinh, thành phố Buôn Ma Thuột.

II. Điều chỉnh, bổ sung quyết định chủ trương đầu tư đối với 04 dự án, trong đó: 02 dự án trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016 - 2020 chuyển sang giai đoạn 2021 - 2025 và 02 dự án trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025, gồm:

1. Dự án Cải tạo hệ thống thoát nước đường Hoàng Thế Thiện, phường Tân Lợi.

2. Dự án Hội trường Tổ dân phố 9, phường Tự An.

3. Dự án Đường nối từ đường Hà Huy Tập đến Quốc lộ 14 (đường Nguyễn Chí Thanh), phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột.

4. Dự án Trường Mầm non Thành Công; Hạng mục: Phòng làm việc, phòng chức năng, phòng họp, nhà bếp và hạ tầng kỹ thuật.

(Chi tiết tại các Phụ lục I, II đính kèm)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết; trong quá trình triển khai thực hiện thực tế các dự án, nếu có những nội dung phải điều chỉnh nhưng không làm thay đổi quy hoạch, mục tiêu và tổng mức đầu tư của dự án được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định chủ trương đầu tư, Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố để thống nhất điều chỉnh; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân Thành phố.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và phường, xã chủ trì, phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội và các cơ quan liên quan nêu cao vai trò giám sát đầu tư của cộng đồng, thực hiện theo chức năng được quy định tại Điều 74, 75 của Luật Đầu tư công năm 2019.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột khóa XII, Kỳ họp Thứ Tư thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

- Như điều 2;
- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh (báo cáo);
- Các Sở: KH&ĐT, TC;
- TT Thành ủy (báo cáo);
- Các phòng, ban: VP HĐND và UBND TP, TC-KH, QLĐT, KT, Tư pháp, TNMT, TT PTQĐ TP, Ban QLDA ĐTXD TP;
- TT HĐND các phường, xã;
- Lưu: VT (60b).



Từ Thái Giang

PHỤ LỤC I:
QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN NHÓM B, C
(Kèm theo Nghị quyết số **44** /NQ-HĐND ngày **20** /7/2022 của HĐND thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NSTP	
I	DỰ ÁN NHÓM B					
1	Xây dựng CSHT khu dân cư hai bên đường N19 (đường Giải Phóng nối dài) thuộc phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD	256.975	256.975	Phụ lục I.1
II	DỰ ÁN NHÓM C					
1	Cải tạo đường 10 tháng 3 và đường 30 tháng 4 thành phố Buôn Ma Thuột	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD	9.500	9.500	Phụ lục I.2
2	Sơn vạch kẻ đường các tuyến đường trên địa bàn thành phố	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD	13.775	13.775	Phụ lục I.3
3	Xây dựng khung chỉnh trang giàn hoa giấy trên giải phân cách đường 10 tháng 3 và đường 30 tháng 4, thành phố Buôn Ma Thuột	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD	5.932	5.932	Phụ lục I.4
4	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc công an các phường: Thống Nhất, Thắng Lợi, Tân Tiến, Thành Nhất, Tân Hòa, Tân Thành, Ea Tam	TP. BMT	Công an Thành phố	2.400	2.400	Phụ lục I.5
5	Hội trường tổ dân phố 4, phường Thắng Lợi	Phường Thắng Lợi	UBND phường Thắng Lợi	1.200	1.140	Phụ lục I.6
6	Sửa chữa trụ sở làm việc UBND xã Hòa Xuân	Xã Hòa Xuân	UBND xã Hòa Xuân	2.560	2.560	Phụ lục I.7
7	Xây dựng Trung tâm điều hành giám sát camera tập trung thành phố Buôn Ma Thuột (Giai đoạn 1)	TP. BMT	Công an Thành phố	4.300	4.300	Phụ lục I.8
8	Cải tạo nhà làm việc, làm mới nhà vệ sinh Trụ sở làm việc 27 Trường Chinh, thành phố Buôn Ma Thuột	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD	1.249	1.249	Phụ lục I.9

PHỤ LỤC I.1
DỰ ÁN: XÂY DỰNG CSHT KHU DÂN CƯ HAI BÊN ĐƯỜNG N19
(ĐƯỜNG GIẢI PHÓNG NỔI DÀI) THUỘC PHƯỜNG TÂN AN,
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

(Kèm theo Nghị quyết số 44 /NQ-HĐND ngày 20 /7/2022 của HĐND thành phố)

1. Tên dự án: Xây dựng CSHT khu dân cư hai bên đường N19 (đường Giải Phóng nổi dài) thuộc phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột.

2. Dự án nhóm: Nhóm B.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND thành phố.

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND thành phố.

5. Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư: Ban Quản lý dự án ĐTXD thành phố.

6. Địa điểm thực hiện dự án: phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột.

7. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng hoàn chỉnh khu dân cư, tạo thêm quỹ đất đấu giá và đất phục vụ tái định cư, đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng đô thị của thành phố trong những năm đến. Góp phần xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Kết luận số 67-KL/TW ngày 16/12/2019 của Bộ Chính trị.

Tạo nguồn thu cho ngân sách thành phố từ nguồn thu bán đấu giá quyền sử dụng đất và giao đất có thu tiền qua công tác bố trí đất tái định cư các lô đất thuộc khu vực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

8. Quy mô đầu tư:

- Phân loại và phân cấp đường đô thị.

+ Loại công trình: Hạ tầng kỹ thuật.

+ Cấp công trình: Cấp III.

- Các hạng mục đầu tư bao gồm: Nền, móng, mặt đường, hệ thống thoát nước mưa, cấp nước, hệ thống báo hiệu đường bộ, cây xanh và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

* Dự kiến năng lực đầu tư: nền, móng, mặt đường và HTKT.

STT	Tên đường	Mặt cắt	Thông số mặt cắt ngang				Chiều dài trục	Ghi chú
			Via hè trái	Mặt đường	Via hè phải	Chỉ giới Bđđ		
			(m)	(m)	(m)	(m)		
1	Đường N2	6-6	3,5	9	3,5	16	379,08	Đường giao thông đối nội (đường nội bộ).
2	Đường N4	4-4	4	12	4	20	281,45	
3	Trương Quang Giao	2-2	4,5	15	4,5	24	176,79	

4	Đường D1	7-7	4	8	4	16	248,42
5	Đường N6	3-3	6	12	6	24	189,71
6	Đường D3	10-10	4	8	4	16	205,51
7	Đường D5	11-11	4	8	4	16	155,81
8	Đường D7	7-7	4	8	4	16	208,8
9	Đường N8	7-7	4	8	4	16	185,5
10	Đường N10	4-4	4	12	4	20	155,62
11	Đường N10-1	15-15	3	6	3	12	47,8
12	Đường N12	3-3	6	12	6	24	161
13	Đường D9	3-3	6	12	6	24	320,89
14	Đường D11	8-8	2	8	4	14	120,28
15	Đường D13	9-9	4	8	2	14	123,03
16	Đường D15	7-7	4	8	4	16	174,28
						Tổng	3.133,97

- + Kết cấu áo đường cấp cao chủ yếu loại A1.
- + Bó vỉa: Dùng lóc vỉa bằng đá granit.
- + Công thoát nước: Quy mô vĩnh cửu bằng bê tông và BTCT.
- + Hệ thống cấp nước sinh hoạt: Đầu tư hoàn chỉnh để đảm bảo cấp nước.
- + Hệ thống cấp điện chiếu sáng và sinh hoạt bố trí trong hào kỹ thuật
- + Vỉa hè: Đầu tư xây dựng bằng bê tông xi măng (gồm lóc vỉa bằng đá tự nhiên và nền bê tông xi măng...); phần lát đá vỉa hè thực hiện sau.

* Diện tích đất sử dụng cho công trình: 14,276ha.

9. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư:

- Dự kiến tổng mức đầu tư: 256.975.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi sáu tỷ, chín trăm bảy mươi lăm triệu đồng).

Trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB : 70.008.000.000 đồng
- Chi phí xây dựng công trình : 129.862.000.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án : 2.298.000.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 7.033.000.000 đồng
- Chi phí khác : 3.777.000.000 đồng
- Chi phí dự phòng : 43.997.000.000 đồng
- Nguồn vốn: Ngân sách thành phố (ứng vốn Quỹ phát triển Nhà – Đất tỉnh Đắk Lắk, hoặc từ tiền thu đấu giá quyền sử dụng đất và bố trí tái định cư từ dự án).
- Khả năng cân đối vốn: Không quá 04 năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

10. Thời gian thực hiện: Khởi công trong giai đoạn 2022-2025.

11. Hình thức đầu tư: Xây dựng mới.

12. Đánh giá, phân tích hiệu quả dự kiến đạt được từ dự án:

Dự kiến khai thác quỹ đất:

Tên lô đất	số lô	Tổng diện tích	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
LK1	47	7023	10.000.000	70.230.000.000
LK2	52	7381,5	10.000.000	73.815.000.000
LK3	29	3751,6	15.000.000	56.274.000.000
LK4	46	5597	15.000.000	83.955.000.000
LK5	25	3059,8	15.000.000	45.897.000.000
LK6	38	4641,9	15.000.000	69.628.500.000
TĐC7	58	6506,5	10.000.000	65.065.000.000
LK8	19	2592,5	15.000.000	38.887.500.000
LK9	28	3414,4	10.000.000	34.144.000.000
LK11	39	4987,6	15.000.000	74.814.000.000
LK12	27	3618,1	15.000.000	54.271.500.000
LK13	18	2122,3	15.000.000	31.834.500.000
TĐC1	27	3618,7	10.000.000	36.187.000.000
TĐC2	35	4138,9	10.000.000	41.389.000.000
TĐC8	40	4845,3	10.000.000	48.453.000.000
Tổng	528	67299,1		824.845.000.000

Lợi nhuận sau khi trừ chi phí đầu tư:

$$824.845.000.000 - 256.975.000.000 = 558.870.000.000 \text{ đồng.}$$

PHỤ LỤC I.2
DỰ ÁN: CẢI TẠO ĐƯỜNG 10 THÁNG 3 VÀ ĐƯỜNG 30 THÁNG 4
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố)

1. Tên dự án: Cải tạo đường 10 tháng 3 và đường 30 tháng 4 thành phố Buôn Ma Thuột.

2. Dự án nhóm: Nhóm C.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND thành phố.

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND thành phố.

5. Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư: Ban Quản lý dự án ĐTXD thành phố.

6. Địa điểm thực hiện dự án: thành phố Buôn Ma Thuột.

7. Mục tiêu đầu tư:

Đáp ứng nhu cầu đảm bảo an toàn của các phương tiện người dân tham gia giao thông trên tuyến; tạo động lực phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng, từng bước hoàn thiện mạng lưới giao thông trên địa bàn thành phố.

8. Quy mô đầu tư: Đầu tư sửa chữa vá ổ gà, mặt đường rạn nứt và vạch sơn kẻ đường

Kết cấu cải tạo, sửa chữa:

- Trường hợp 1: Mặt đường rạn nứt chân chim bong tróc:

+ Đào bỏ lớp BTN trên cùng thảm lại lớp BTNC 12,5 dày 5cm.

- Trường hợp 2: Mặt đường rạn nứt lớn mặt đường BTN hư hỏng:

+ Đào bỏ lớp hết phần BTN;

+ Thảm BTNC 19 lớp dưới dày 7cm;

+ Thảm BTNC 12,5 lớp trên dày 5cm;

- Trường hợp 3: Mặt đường lún vệt bánh xe và hư hỏng móng CPĐD lớp 1:

+ Đào bỏ phần BTN và móng CPĐD loại I dày 15cm;

+ Thi công lớp móng trên CPĐD loại I Dmax 25 dày 15cm;

+ Thảm BTNC 19 lớp dưới dày 7cm;

+ Thảm BTNC 12,5 lớp trên dày 5cm.

- Trường hợp 4: Mặt đường lún vệt bánh xe sâu và có hiện tượng các lớp móng CPĐD hư hỏng, cao su:

+ Đào bỏ phần BTN, móng CPĐD loại I Dmax 25 dày 15cm và móng CPĐD loại II Dmax 37,5 dày 15cm;

+ Thi công lớp móng dưới CPĐD loại II Dmax 37,5 dày 15cm;

+ Thi công lớp móng trên CPĐD loại I Dmax 25 dày 15cm;

- + Thảm BTNC 19 lớp dưới dày 7cm;
- + Thảm BTNC 12,5 lớp trên dày 5cm.

9. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư:

- Dự kiến tổng mức đầu tư: 9.500.000.000 đồng (*Chín tỷ, năm trăm triệu đồng*)

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng	:	7.814.563.000 đồng
+ Chi phí quản lý dự án	:	214.829.000 đồng
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	612.346.000 đồng
+ Chi phí khác	:	83.014.000 đồng
+ Chi phí dự phòng	:	775.248.000 đồng

- Nguồn vốn: Ngân sách thành phố.

- Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

10. Thời gian thực hiện: Khởi công trong giai đoạn 2022-2025.

11. Hình thức đầu tư: Cải tạo.

PHỤ LỤC I.3
DỰ ÁN: SƠN VẠCH KẼ ĐƯỜNG CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN
THÀNH PHỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố)

1. Tên dự án: Sơn vạch kẻ đường các tuyến đường trên địa bàn thành phố.
2. Dự án nhóm: Nhóm C.
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND thành phố.
4. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND thành phố.
5. Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư: Ban Quản lý dự án ĐTXD thành phố.
6. Địa điểm thực hiện dự án: thành phố Buôn Ma Thuột.

7. Mục tiêu đầu tư: Từng bước hoàn chỉnh hệ thống vạch sơn phân làn các trục đường giao thông trên địa bàn thành phố, phù hợp với QCVN 41:2019 - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ hiện hành; Góp phần đảm bảo an toàn giao thông trên địa bàn thành phố, giảm ùn tắc xe và tai nạn giao thông; Hướng tới toàn dân tham gia giao thông an toàn, tuân thủ luật giao thông đường bộ, tạo thuận lợi cho nhu cầu đi lại của người dân thành phố và mang lại vẻ đẹp mỹ quan đô thị, đảm bảo An ninh - Chính trị, an sinh xã hội.

8. Quy mô đầu tư:

- Xóa vạch sơn cũ bị mờ và vạch sơn cũ không phù hợp. Sơn mới hệ thống vạch sơn báo hiệu đường bộ theo QCVN 41:2019/BGTVT. Bao gồm các trục đường:

TT	Tên đường	Đơn vị	Chiều dài
1	Phan Bội Châu (từ Nguyễn Tất Thành đến 30 tháng tư)	m	3.200
2	Nguyễn Thị Định (từ 30 tháng 4 đến Cầu Buôn Ky)	m	1.980
3	Mai Hắc Đế (từ Y Ngông đến Tổng Kho K864)	m	2.300
4	Y Wang (từ Lê Duẩn đến Hồ Ea Kao)	m	5.950
5	Y Ngông (từ Lê Duẩn đến Mai Xuân Thưởng)	m	2.000
6	Phạm Ngũ Lão (từ Nguyễn Thị Minh Khai đến đường 10 tháng 3)	m	2.200
7	Lê Hồng Phong (từ Y Ngông đến Nguyễn Thị Minh Khai)	m	1.450
8	Mai Xuân Thưởng (từ Phan Bội Châu đến Y Ngông)	m	1.090
9	Nguyễn Thị Minh Khai (từ Phan Chu Trinh đến Phạm Ngũ Lão)	m	1.080
10	Hoàng Hoa Thám (từ Y Ngông đến Quang Trung)	m	910
11	Nguyễn Đình Chiểu (từ Phan Chu Trinh đến Nguyễn Khuyến)	m	400
12	Nguyễn Công Trứ (từ Lê Hồng Phong đến Hùng Vương)	m	1.700
13	Hùng Vương (từ Ngã Sáu đến Nguyễn Công Trứ)	m	1.150
14	Trần Hưng Đạo (từ Nguyễn Tất Thành đến Hùng Vương)	m	325
15	Ama Khê (từ Nguyễn Tất Thành đến Hùng Vương)	m	540

TT	Tên đường	Đơn vị	Chiều dài
16	Ama Jhao (từ Nguyễn Tất Thành đến Hùng Vương)	m	910
17	Chu Văn An (từ Nguyễn Chí Thanh đến Lý Thái Tổ)	m	825
18	Lê Quý Đôn (từ Nguyễn Chí Thanh đến Lý Thái Tổ)	m	850
19	Nguyễn Hữu Thọ (từ Nguyễn Chí Thanh đến Lý Thái Tổ)	m	920
20	Tôn Đức Thắng (từ Lê Quý Đôn đến Đồng Khởi)	m	900
21	Lê Thị Hồng Gấm (từ Nguyễn Tất Thành đến Y Moan E'Nuôl)	m	950
22	Lý Tự Trọng (từ Nguyễn Tất Thành đến Lê Thị Hồng Gấm)	m	800
23	Nguyễn Viết Xuân (từ Mai Hắc Đế đến Lê Duẩn)	m	410
24	Giải Phóng (từ đường Y Ngông đến đường Mai Hắc Đế)	m	340
25	Nơ Trang Long (từ Ngã Sáu đến Lê Hồng Phong)	m	310
26	Quang Trung (từ Phan Chu Trinh đến Mạc Đĩnh Chi)	m	2.000
27	Hoàng Diệu (từ Lê Thánh Tông đến Trương Công Định)	m	1.700
28	Trần Phú (từ Phan Chu Trinh đến Nguyễn Tri Phương)	m	1.500
29	Nguyễn Văn Trỗi (từ Phan Chu Trinh đến Y Jút)	m	425
30	Hai Bà Trưng (từ Nơ Trang Long đến Nguyễn Văn Trỗi)	m	825
31	Lý Thường Kiệt (từ Nguyễn Công Trứ đến hết đường)	m	1.060
32	Y Jút (từ Nguyễn Công Trứ đến hết đường)	m	1.060
33	Điện Biên Phủ (từ Nguyễn Công Trứ đến hết đường)	m	1.035
34	Xô Viết Nghệ Tĩnh (từ Quang Trung đến Nguyễn Thị Minh Khai)	m	560
35	Mạc Thị Bưởi (từ Quang Trung đến Nguyễn Thị Minh Khai)	m	560
36	Trần Bình Trọng (từ Quang Trung đến Nguyễn Thị Minh Khai)	m	530
37	Nguyễn Trãi (từ Phan Bội Châu đến hết đường)	m	520
38	Đào Duy Từ (từ Phan Bội Châu đến Nguyễn Thị Minh Khai)	m	420
39	Nguyễn Tri Phương (từ Phan Bội Châu đến hết đường nhựa)	m	1.270
40	Trương Công Định (từ Phan Bội Châu đến Hẻm 111 Nguyễn Tri Phương)	m	610
41	Lê Duẩn (từ Ngã Sáu đến Đình Tiên Hoàng)	m	1.140
42	Trần Nhật Duật (từ Phan Chu Trinh đến Nguyễn Khuyến)	m	405
43	Trần Nhật Duật (từ Nguyễn Tất Thành đến Lê Thánh Tông)	m	530
44	Y Út Niê (từ Phan Chu Trinh đến Nguyễn Khuyến)	m	400
45	Nguyễn Công Hoan (từ Phan Chu Trinh đến Nguyễn Khuyến)	m	400
46	Ngô Gia Tự (từ Nguyễn Tất Thành đến Hà Huy Tập)	m	1.000
47	Đoàn Khuê (từ Nguyễn Chí Thanh đến Tôn Đức Thắng)	m	460
48	Cao Thắng (từ Nguyễn Hữu Thọ đến Đồng Khởi)	m	830
49	Ngô Thi Nhậm (từ Nguyễn Hữu Thọ đến Đồng Khởi)	m	975

TT	Tên đường	Đơn vị	Chiều dài
50	Hồ Tùng Mậu (từ Y Ngông đến Lê Hồng Phong)	m	665
Tổng chiều dài các trục		m	54.370

- Thay thế dải phân cách di động cũ tại 13 nút giao, gồm:

TT	Nút giao	Vị trí
1	Bà Triệu - Nguyễn Tất Thành	Ngã tư
2	Trần Hưng Đạo - Nguyễn Tất Thành	Ngã tư
3	Hùng Vương - Đinh Tiên Hoàng	Ngã tư
4	Phan Chu Trinh - Trần Hưng Đạo	Ngã tư
5	Nguyễn Công Trứ - Đinh Tiên Hoàng	Ngã tư
6	Nguyễn Viết Xuân - Mai Hắc Đế	Ngã ba
7	Lê Thánh Tông - Lý Tự Trọng	Ngã tư
8	Lê Thánh Tông - Nguyễn Đình Chiểu	Ngã tư
9	Lê Thánh Tông - Trần Nhật Duật	Ngã tư
10	Nguyễn Đình Chiểu - Trường Chinh	Ngã tư
11	Phan Bội Châu - Mai Xuân Thưởng	Ngã ba
12	Lê Thánh Tông - Phan Bội Châu	Ngã ba
13	Nguyễn Đình Chiểu - Phan Chu Trinh	Ngã tư

9. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư:

- Dự kiến tổng mức đầu tư: 13.775.000.000đồng (Mười ba tỷ, bảy trăm bảy mươi lăm triệu đồng)

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng	:	11.800.947.735 đồng
+ Chi phí quản lý dự án	:	270.855.353 đồng
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	889.042.411 đồng
+ Chi phí khác	:	157.686.700 đồng
+ Chi phí dự phòng	:	656.467.801 đồng

- Nguồn vốn: Ngân sách thành phố.

- Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

10. Thời gian thực hiện: Khởi công trong giai đoạn 2022-2025.

11. Hình thức đầu tư: Cải tạo và làm mới.

PHỤ LỤC I.4
DỰ ÁN: XÂY DỰNG KHUNG CHỈNH TRANG GIÀN HOA GIẤY TRÊN
GIẢI PHÂN CÁCH ĐƯỜNG 10 THÁNG 3 VÀ ĐƯỜNG 30 THÁNG 4,
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố)

1. Tên dự án: Xây dựng khung chỉnh trang giàn hoa giấy trên giải phân cách đường 10 tháng 3 và đường 30 tháng 4, thành phố Buôn Ma Thuột.

2. Dự án nhóm: Nhóm C.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND thành phố.

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND thành phố.

5. Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư: Ban Quản lý dự án ĐTXD thành phố.

6. Địa điểm thực hiện dự án: thành phố Buôn Ma Thuột.

7. Mục tiêu đầu tư:

Việc đầu tư xây dựng khung chỉnh trang giàn hoa giấy trên giải phân cách đường 10 tháng 3 và đường 30 tháng 4, thành phố Buôn Ma Thuột là giải pháp hiệu quả vừa giảm thiểu nguy cơ gây mất an toàn giao thông vừa tạo cảnh quan đô thị mang bản sắc riêng của thành phố, từng bước chỉnh trang hệ thống cây xanh hiện có, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu của thành phố, cải thiện môi trường sinh thái và làm đẹp cảnh quan đường phố cho tuyến đường, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của địa phương.

8. Quy mô đầu tư:

* Đầu tư xây dựng: Xây dựng giàn hoa giấy trên giải phân cách đường 10 tháng 3 và đường 30 tháng 4, thành phố Buôn Ma Thuột.

- Chiều dài toàn tuyến khoảng: $L = 14\text{km}$;

* Phương án xây dựng giàn hoa giấy:

- Tạo hình giàn hoa giấy là các thanh sắt mạ kẽm thẳng đứng, bên trên tạo hình như miệng phễu bằng sắt tròn mạ kẽm, có đường kính lớn nhất là 0,8m để đỡ giàn hoa; giàn hoa được chôn trong khối bê tông và được chôn dưới đất. Toàn bộ giàn hoa được sơn dầu 3 lớp. Khoảng cách giữa các giàn hoa khoảng 5m.

- Xen giữa các giàn hoa đứng là các bụi hoa giấy thấp. Các bụi hoa có chiều cao khoảng 0,8 ~ 1m (khoảng 1,1m ~ 1,3m tính từ mặt đường). Các bụi hoa giấy được cắt tỉa tạo hình theo ý muốn.

- Tại các vị trí có nút giao cắt, cụ thể là khoảng 8-10m cho đến đầu giải phân cách, không tổ chức các giàn hoa đứng mà chỉ tổ chức các bụi hoa giấy thấp để không ảnh hưởng đến tầm nhìn cho các phương tiện tham gia giao thông.

9. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư:

- Dự kiến tổng mức đầu tư: 5.932.000.000 đồng (Năm tỷ, chín trăm ba mươi hai triệu đồng)

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng	:	4.765.670.000	đồng
+ Chi phí quản lý dự án	:	149.295.000	đồng
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	415.527.000	đồng
+ Chi phí khác	:	124.982.000	đồng
+ Chi phí dự phòng	:	476.526.000	đồng

- Nguồn vốn: Ngân sách thành phố.

- Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

10. Thời gian thực hiện: Khởi công trong giai đoạn 2022-2025.

11. Hình thức đầu tư: Làm mới.

12. Giao UBND thành phố và các đơn vị liên quan khi triển khai thực hiện đầu tư phải đảm bảo mỹ quan và an toàn giao thông của tuyến đường. Báo cáo cụ thể phương án thiết kế với Thường trực Thành ủy và Thường trực HĐND thành phố trước khi phê duyệt dự án đầu tư.

PHỤ LỤC I.5**DỰ ÁN: CẢI TẠO, SỬA CHỮA TRỤ SỞ LÀM VIỆC CÔNG AN CÁC PHƯỜNG: THỐNG NHẤT, THẮNG LỢI, TÂN TIẾN, THÀNH NHẤT, TÂN HÒA, TÂN THÀNH, EA TAM***(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố)*

1. Tên dự án: Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc công an các phường: Thống Nhất, Thắng Lợi, Tân Tiến, Thành Nhất, Tân Hòa, Tân Thành, Ea Tam.

2. Dự án nhóm: Nhóm C.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND thành phố.

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND thành phố.

5. Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư: Công an Thành phố.

6. Địa điểm thực hiện dự án: thành phố Buôn Ma Thuột.

7. Mục tiêu đầu tư:

Nhằm nâng cao cơ sở vật chất cho đơn vị, tạo điều kiện làm việc công tác tốt cho cán bộ chiến sỹ, đảm bảo công tác hậu cần, công tác theo tổ chức nghiệp vụ, nâng cao chất lượng và mỹ quan của công trình.

8. Quy mô đầu tư:

a) Công an phường Thống Nhất:

- Sơn, sửa Nhà làm việc, cổng tường rào, lát gạch chống nóng sàn sảnh, ban công.

- Lắp đặt hệ thống cấp điện cho phòng giám sát camera.

b) Công an phường Thắng Lợi

- Xây mới nhà xe: Nhà tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng, DTXD 62m²,

- Sơn, sửa Nhà kho tạm giữ

- Sửa chữa Nhà làm việc 2 tầng (2 nhà)

- Lắp đặt hệ thống chống sét cho các khối nhà làm việc.

c) Công an phường Tân Tiến

- Sơn, sửa Nhà làm việc, thay mới hệ thống thoát đường ống thoát nước.

- Sơn, sửa cổng tường rào:

d) Công an phường Thành Nhất

- Sơn, sửa nhà làm việc, thay mới hệ thống thoát đường ống thoát nước.

* Làm mới mái che tiếp dân: Quy mô: Nhà cấp IV, 01 tầng, 54m²;

e) Công an phường Tân Hòa

- Sơn, sửa Nhà làm việc

f) Công an phường Tân Thành

- Sơn, sửa Nhà làm việc; Cổng tường rào

h) Công an phường Ea Tam

- Sơn, sửa Nhà làm việc

* Cải tạo xây mới 1 phòng làm việc: 27m²

* Xây mới nhà xe: Quy mô: cấp IV, 01 tầng. Diện tích xây dựng: 50 m²

9. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư:

- Dự kiến tổng mức đầu tư: 2.400.000.000 đồng (Hai tỷ, bốn trăm triệu đồng)

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng	:	2.082.000.000 đồng
+ Chi phí thiết bị	:	71.745.000 đồng
+ Chi phí quản lý dự án	:	192.272.000 đồng
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	29.917.000 đồng
+ Chi phí khác	:	24.066.000 đồng

- Nguồn vốn: Ngân sách thành phố.

- Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

10. Thời gian thực hiện: Khởi công trong giai đoạn 2022-2025.

11. Hình thức đầu tư: Cải tạo, sửa chữa.

PHỤ LỤC I.6**DỰ ÁN: HỘI TRƯỜNG TỔ DÂN PHỐ 4, PHƯỜNG THẮNG LỢI**
(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố)

1. Tên dự án: Hội trường tổ dân phố 4, phường Thắng Lợi.
2. Dự án nhóm: Nhóm C.
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND thành phố.
4. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND thành phố.
5. Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư: UBND phường Thắng Lợi.
6. Địa điểm thực hiện dự án: phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột.
7. Mục tiêu đầu tư:

Xây dựng Hội trường tổ dân phố 4 nhằm đảm bảo cơ sở vật chất cho nhân dân của Tổ dân phố 4 thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa đoàn kết gương mẫu ở địa phương trong phòng, chống các tệ nạn xã hội và phát triển kinh tế - xã hội của Phường nói riêng và thành phố Buôn Ma Thuột nói chung.

8. Quy mô đầu tư:

Nhà 01 tầng, diện tích xây dựng: 121m²; Hệ thống cấp thoát nước, Hệ thống điện, Hệ thống phòng cháy chữa cháy.

9. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư:

- Dự kiến tổng mức đầu tư: 1.200.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm triệu đồng)

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng	:	999.183.000 đồng
+ Chi phí quản lý dự án	:	33.635.000 đồng
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	101.884.000 đồng
+ Chi phí khác	:	6.959.000 đồng
+ Chi phí dự phòng	:	58.339.000 đồng

- Nguồn vốn: Ngân sách thành phố 1.140 triệu đồng; ngân sách phường Thắng Lợi và huy động các nguồn hợp pháp khác 60 triệu đồng.

- Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

10. Thời gian thực hiện: Khởi công trong giai đoạn 2022-2025.

11. Hình thức đầu tư: Xây dựng mới.

PHỤ LỤC I.7**DỰ ÁN: SỬA CHỮA TRỤ SỞ LÀM VIỆC UBND XÃ HÒA XUÂN**

(Kèm theo Nghị quyết số 44 /NQ-HĐND ngày 20 /7/2022 của HĐND thành phố)

1. Tên dự án: Sửa chữa trụ sở làm việc UBND xã Hòa Xuân.
2. Dự án nhóm: Nhóm C.
3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND thành phố.
4. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND thành phố.
5. Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư: UBND xã Hòa Xuân.
6. Địa điểm thực hiện dự án: xã Hòa Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột.
7. Mục tiêu đầu tư:

Dự án sau khi đầu tư hoàn thành nhằm nâng cao cơ sở vật chất đáp ứng điều kiện làm việc của cán bộ, công chức, người lao động và phục vụ Nhân dân trên địa bàn xã Hòa Xuân. Góp phần quan trọng trong việc hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng kang trang, sạch đẹp tạo nên vẻ mỹ quan.

8. Quy mô đầu tư:

- Sửa chữa nhà trụ sở: Nhà cấp III, 2 tầng.
- Sửa chữa Nhà khối đoàn thể: Nhà cấp IV, 1 tầng.
- Sửa chữa Nhà vệ sinh: Nhà cấp IV, 1 tầng.
- Sửa chữa Nhà xe số 1.
- Sửa chữa cổng tường rào.
- Sửa chữa Sân đường nội bộ.

9. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư:

- Dự kiến tổng mức đầu tư: 2.560.000.000 đồng (Hai tỷ, năm trăm sáu mươi triệu đồng)

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng	:	1.948.555.000 đồng
+ Chi phí thiết bị	:	106.147.000 đồng
+ Chi phí quản lý dự án	:	62.773.000 đồng
+ Chi phí tư vấn	:	182.497.000 đồng
+ Chi phí khác	:	33.429.000 đồng
+ Chi phí dự phòng	:	226.599.000 đồng

- Nguồn vốn: Ngân sách thành phố.
- Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

10. Thời gian thực hiện: Khởi công trong giai đoạn 2022-2025.

11. Hình thức đầu tư: Cải tạo, sửa chữa.

PHỤ LỤC I.8

DỰ ÁN: XÂY DỰNG TRUNG TÂM ĐIỀU HÀNH GIÁM SÁT CAMERA TẬP TRUNG THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT (GIAI ĐOẠN 1)

(Kèm theo Nghị quyết số 44 /NQ-HĐND ngày 20 /7/2022 của HĐND thành phố)

1. Tên dự án: Xây dựng Trung tâm điều hành giám sát camera tập trung thành phố Buôn Ma Thuột (Giai đoạn 1).

2. Dự án nhóm: Nhóm C.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND thành phố.

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND thành phố.

5. Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư: Công an Thành phố.

6. Địa điểm thực hiện dự án: thành phố Buôn Ma Thuột.

7. Mục tiêu đầu tư:

- Xây dựng Trung tâm điều hành giám sát camera tập trung nhằm kết nối các hệ thống camera đã triển khai tại các phường xã gồm các khu vực: quan sát giao thông tại điểm nút, tuyến giao thông trọng điểm, vị trí trọng yếu về an ninh trật tự trên địa bàn thành phố.

- Hệ thống có tính mở tuân theo chuẩn ONVIF, đảm bảo không phụ thuộc vào một nhà cung cấp camera nào và dễ dàng triển khai mở rộng bổ sung thêm camera vào hệ thống, tương thích và có khả năng tích hợp với Trung tâm Điều hành Giám sát Đô thị Thông minh của tỉnh.

8. Quy mô đầu tư:

Hệ thống phần mềm quản lý camera tập trung đáp ứng cho quy mô dự kiến 2.500 camera với các tính năng: Quản lý kết nối thiết bị camera; Quản lý xem trực tiếp, xem lại, lưu trữ camera; Quản lý phân quyền người sử dụng; Quản lý bản đồ vị trí camera; Quản lý camera AI: nhận diện khuôn mặt, phát hiện đám đông; Quản lý camera nhận dạng biển số; Phân tích lưu lượng giao thông, giám sát vi phạm giao thông: đỗ đậu sai chỗ, đi ngược chiều; Phân tích hành vi đối tượng người.

Giai đoạn 1: Hệ thống máy chủ và thiết bị tích hợp 500 camera đang hoạt động tại các phường, xã.

* Hệ thống các thiết bị chính bao gồm:

- Phần mềm quản lý camera tập trung
- Thiết bị server quản lý camera tập trung
- Thiết bị hỗ trợ tính năng camera thông minh
- Thiết bị lưu trữ camera tập trung đáp ứng khả năng lưu trữ cho 500 camera trong với thời gian 30 ngày
- Hệ thống thiết bị mạng và phụ kiện của trung tâm bao gồm: Firewall, Network Router, Switch, UPS,...
- Hệ thống màn hình tấm ghép, thiết bị hiển thị và phụ kiện kèm theo.

- Bộ máy tính cho cán bộ trực.

9. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư:

- Dự kiến tổng mức đầu tư: 4.300.000.000 đồng (*Bốn tỷ, ba trăm triệu đồng*)

Trong đó:

Chi phí thiết bị:	:	3.237.170.000 đồng
Chi phí quản lý dự án:	:	183.962.000 đồng
Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	:	239.528.000 đồng
Chi phí khác:	:	409.844.000 đồng
Chi phí dự phòng:	:	229.496.000 đồng

- Nguồn vốn: Ngân sách thành phố.

- Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

10. Thời gian thực hiện: Khởi công trong giai đoạn 2022-2025.

11. Hình thức đầu tư: Lắp đặt thiết bị.

PHỤ LỤC I.9

**DỰ ÁN: CẢI TẠO NHÀ LÀM VIỆC, LÀM MỚI NHÀ VỆ SINH TRỤ SỞ
LÀM VIỆC 27 TRƯỜNG CHÍNH, THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**
(Kèm theo Nghị quyết số 44 /NQ-HĐND ngày 20 /7/2022 của HĐND thành phố)

1. Tên dự án: Cải tạo nhà làm việc, làm mới nhà vệ sinh Trụ sở làm việc 27 Trường Chinh, thành phố Buôn Ma Thuột.

2. Dự án nhóm: Nhóm C.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND thành phố.

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND thành phố.

5. Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư: Ban Quản lý dự án ĐTXD thành phố.

6. Địa điểm thực hiện dự án: thành phố Buôn Ma Thuột.

7. Mục tiêu đầu tư:

Việc đầu tư xây dựng Cải tạo nhà làm việc; làm mới nhà vệ sinh Trụ sở làm việc số 27 Trường Chinh, thành phố Buôn Ma Thuột đảm bảo cơ sở vật chất cho cán bộ công nhân viên trong cơ quan đồng thời tăng tính mỹ quan tổng thể cho công trình.

8. Quy mô đầu tư:

a) Cải tạo nhà làm việc:

- Phá dỡ nhà vệ sinh tầng 1 (4,7m x 3,4m) mở rộng phòng làm việc tầng 1 (2 dãy nhà).

- Chống thấm khu vệ sinh tầng 2, 3, 4, thay mới toàn bộ đường ống cấp thoát nước hiện trạng.

- Thay mới gạch lát hành lang phía trong nhà tầng 2,3,4 với tổng diện tích khoảng 209m²:

- Mở rộng làm mới bàn làm việc (2 nhà) tiếp dân bằng vật liệu gỗ PDF bố trí vách ngăn bằng khung nhôm, quy cách giống bàn làm việc hiện trạng

b) Xây mới nhà vệ sinh:

- Nhà tiêu chuẩn cấp IV, 01 tầng. Diện tích xây dựng: S=38m².

c) Phá dỡ nhà kho hiện trạng: S= 29,1m².

9. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư:

- Dự kiến tổng mức đầu tư: 1.250.000.000 đồng (Một tỷ, hai trăm năm mươi triệu đồng)

Trong đó:

+ Chi phí xây dựng	:	984.500.000 đồng
+ Chi phí quản lý dự án	:	30.841.000 đồng
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	:	102.002.000 đồng

+ Chi phí khác	:	17.698.000 đồng
+ Chi phí dự phòng	:	114.959.000 đồng

- Nguồn vốn: Ngân sách thành phố.

- Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

10. Thời gian thực hiện: Khởi công trong giai đoạn 2022-2025.

11. Hình thức đầu tư: Cải tạo, sửa chữa

PHỤ LỤC II:
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

(Kèm theo Nghị quyết số 44 /NQ-HĐND ngày 20 /7/2022 của HĐND thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư		Ghi chú
				Tổng số	Trong đó: NSTP	
1	Cải tạo hệ thống thoát nước đường Hoàng Thế Thiện, phường Tân Lợi	Phường Tân Lợi	UBND Phường Tân Lợi	1.260	1.100	Phụ lục II.1
2	Hội trường tổ dân phố 9, phường Tự An	Phường Tự An	UBND phường Tự An	4.097	3.597	Phụ lục II.2
3	Đường nối từ đường Hà Huy Tập đến Quốc lộ 14 (đường Nguyễn Chí Thanh), phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD	54.047	54.047	Phụ lục II.3
4	Trường Mầm non Thành Công; Hạng mục: Phòng làm việc, phòng chức năng, phòng họp, nhà bếp và hạ tầng kỹ thuật	TP. BMT	Ban QLDA ĐTXD	5.000	5.000	Phụ lục II.4

PHỤ LỤC II.1
DỰ ÁN: CẢI TẠO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC
ĐƯỜNG HOÀNG THẾ THIỆN, PHƯỜNG TÂN LỢI

((Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố)

Điều chỉnh một số nội dung tại Phụ lục I.16 kèm theo Nghị quyết số 95/NQ-HĐND ngày 16/4/2021 của HĐND thành phố như sau:

1. Điều chỉnh quy mô, tổng mức đầu tư

a) Quy mô: Điều chỉnh tìm công thoát nước và phát sinh khối lượng: Giếng thăm loại 3: 01 cái; Giếng thăm loại 4: 02 cái; Tầm đan đáy giếng để đảm bảo an toàn; Cống D1500: 01m.

b) Tổng mức đầu tư điều chỉnh: **1.260.000.000 đồng** (Một tỷ, hai trăm sáu mươi triệu đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây lắp:	1.104.347.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	27.727.000 đồng.
- Chi phí tư vấn ĐT XDCT:	109.737.000 đồng.
- Chi phí khác:	9.231.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	8.958.000 đồng.

2. Nguồn vốn: Ngân sách thành phố 1.100 triệu đồng; ngân sách phường Tân Lợi và huy động từ các nguồn hợp pháp khác 160 triệu đồng.

PHỤ LỤC II.2**DỰ ÁN: HỘI TRƯỜNG TỔ DÂN PHỐ 9, PHƯỜNG TỰ AN**

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố)

Điều chỉnh một số nội dung tại Phụ lục II.52 ban hành kèm theo Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 29/12/2021 của HĐND thành phố như sau:

1. Điều chỉnh tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư điều chỉnh: **4.097.000.000 đồng** (Bốn tỷ, không trăm chín mươi bảy triệu đồng)

Trong đó:

- Chi phí bồi thường GPMB:	2.897.558.000 đồng.
- Chi phí xây dựng:	1.001.000.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	34.494.000 đồng.
- Chi phí tư vấn ĐT XDCT:	102.272.000 đồng.
- Chi phí khác:	7.664.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	54.012.000 đồng.

2. Nguồn vốn điều chỉnh: Ngân sách thành phố 3.597,558 triệu đồng; phần còn lại 500 triệu đồng sử dụng từ kinh phí được bồi thường của hội trường cũ, ngân sách phường Tự An và huy động các nguồn hợp pháp khác.

PHỤ LỤC II.3
DỰ ÁN: ĐƯỜNG NỐI TỪ ĐƯỜNG HÀ HUY TẬP ĐẾN QUỐC LỘ 14
(ĐƯỜNG NGUYỄN CHÍ THANH), PHƯỜNG TÂN AN, THÀNH PHỐ
BUÔN MA THUẬT

(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố)

1. Điều chỉnh Quy mô đầu tư

a) Quy mô đầu tư đã được phê duyệt tại khoản 6, Điều 1 Quyết định số 6687/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 của UBND Thành phố:

- Vị trí xây dựng : Phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột.
- Tổng chiều dài tuyến: $L = 1.407,63\text{m}$.
- Vận tốc thiết kế: $V_{tk} = 50 \text{ km/h}$.
- Quy mô mặt cắt ngang (giai đoạn 1): Mặt đường 14m; Lóc via 0,3m X 2 bên;
- Kết cấu áo đường từ trên xuống như sau:
 - + Bê tông nhựa chặt (BTNC 12,5) dày 7cm.
 - + Tưới nhựa dính bám, tiêu chuẩn nhựa 1,0kg/m².
 - + Móng CPDD loại I ($D_{\max}=25\text{mm}$), dày 15cm.
 - + Móng CPDD loại II ($D_{\max}=37,5\text{mm}$), dày 36cm.
 - + Đất nền cấp 3, lu lèn đạt độ chặt $K>0,98$
- Lóc via: Dạng L bằng bê tông đá 1x2 mác 250 đúc sẵn lắp ghép;
- Hệ thống rãnh thoát nước: cống BTCT ly tâm, cống ngang đường D60, cống thoát nước dọc D80-D120;
- Hệ thống thoát nước mưa: cống BTCT ly tâm; giếng thu, giếng thăm, cống kỹ thuật, cửa xả.

Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí vạch sơn, biển báo, cọc tiêu theo điều lệ báo hiệu hiện hành.

b) Quy mô đầu tư điều chỉnh, bổ sung: Điều chỉnh hướng tuyến đoạn cuối tuyến giao với đường Nguyễn Chí Thanh (lý trình Km1+273,88 - Km1+408,15).

Mặt cắt ngang theo Quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 3299/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh cục bộ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu trung tâm phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk như sau:

Mặt cắt theo QH được duyệt	Tên đường	Chỉ giới đường đỏ (m)	Mặt đường (m)	Vĩa hè bên trái (m)	Vĩa hè bên phải (m)
2d'-2d'	Đường N12 (Đoạn từ đường Nguyễn Chí Thanh đến đường D8)	30-36	14	8	8-14

- Kết cấu áo đường và các hạng mục khác không thay đổi;
- Bổ sung hạng mục lát gạch vỉa hè chiều rộng bên trái tuyến theo Quy hoạch 8m; Bên phải theo Quy hoạch từ (8-14)m;
- Cống thoát nước đầu nối ra đường Nguyễn Chí Thanh;
- Tháo dỡ, lắp đặt dải phân cách và hệ thống đèn tín hiệu giao thông tại nút giao với đường Nguyễn Chí Thanh.

2. Điều chỉnh Tổng mức đầu tư

a) Tổng mức đầu tư đã được điều chỉnh tại khoản 2 Điều 1 Quyết định số 6028/QĐ-UBND, ngày 18/8/2021 của UBND Thành phố: **35.916.846.000 đồng** (Ba mươi lăm tỷ, chín trăm mười sáu triệu, tám trăm bốn mươi sáu ngàn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	21.509.947.000 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	540.115.000 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư:	1.681.993.000 đồng
- Chi phí khác:	2.925.186.000 đồng
- Chi phí bồi thường GPMB:	7.926.743.000 đồng
- Chi phí dự phòng :	1.322.862.000 đồng

b) Tổng mức đầu tư điều chỉnh: **54.047.179.000 đồng** (Năm mươi bốn tỷ, không trăm bốn mươi bảy triệu, một trăm bảy mươi chín ngàn đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	24.232.694.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	621.535.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư:	1.965.817.000 đồng.
- Chi phí khác:	3.423.933.000 đồng.
- Chi phí bồi thường GPMB:	22.470.338.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	1.332.862.000 đồng.

3. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án

a) Thời gian thực hiện dự án đã phê duyệt tại khoản 15 Điều 1 Quyết định số 6687/QĐ-UBND: Theo kế hoạch bố trí vốn.

b) Thời gian thực hiện dự án điều chỉnh: Năm 2019 - 2023.

4. Nguồn vốn: Ngân sách thành phố.

PHỤ LỤC II.4
DỰ ÁN: TRƯỜNG MẦM NON THÀNH CÔNG;
HẠNG MỤC: PHÒNG LÀM VIỆC, PHÒNG CHỨC NĂNG, PHÒNG HỌP,
NHÀ BẾP VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
(Kèm theo Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố)

Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Nhà lớp học 05 phòng, hội trường trường Mầm non Thành Công” thành dự án “Trường Mầm non Thành Công; Hàng mục: Phòng làm việc, phòng chức năng, phòng họp, nhà bếp và hạ tầng kỹ thuật”, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự án: Trường Mầm non Thành Công; Hàng mục: Phòng làm việc, phòng chức năng, phòng họp, nhà bếp và hạ tầng kỹ thuật.

2. Dự án nhóm: Nhóm C.

3. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: HĐND thành phố.

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND thành phố.

5. Đơn vị đề xuất chủ trương đầu tư: Ban quản lý dự án ĐTXD thành phố.

6. Địa điểm thực hiện dự án: phường Thành Công.

7. Quy mô đầu tư:

- Phòng làm việc, phòng chức năng, phòng họp, nhà bếp: Nhà tiêu chuẩn cấp III – 02 tầng; Diện tích xây dựng: 270,0 m²; Tổng diện tích sàn: 540,0 m².

- Cải tạo di dời nhà xe: 35 m².

- Cải tạo di dời mái che khu vui chơi: 34 m².

- Cải tạo nhà lớp học 03 tầng cũ: Đục tường làm lối hành lang giữa nhà mới và nhà lớp học cũ 3 tầng; Tầng 1: Xây tường ngăn nhà bếp cũ thành phòng bảo vệ và phòng hiệu phó và phòng y tế; Tầng 3: Đập bỏ tường ngăn xây để mở rộng lớp búp non; Chống thấm sê nô, sơn lại toàn nhà.

8. Dự kiến tổng mức đầu tư và cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư:

- Dự kiến tổng mức đầu tư: **5.000.000.000 đồng** (Năm tỷ đồng)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	4.097.448.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	130.739.000 đồng.
- Chi phí tư vấn ĐT XDCT:	442.955.000 đồng.
- Chi phí khác:	90.763.000 đồng.
- Chi phí dự phòng:	238.095.000 đồng.

- Nguồn vốn: Ngân sách thành phố.

- Khả năng cân đối vốn: Không quá 03 năm kể từ năm bố trí vốn để khởi công.

9. Thời gian thực hiện: Khởi công trong giai đoạn 2022-2025.

10. Hình thức đầu tư: Xây dựng mới và cải tạo.

Các nội dung nêu trên thay thế cho dự án Nhà lớp học 05 phòng, hội trường trường Mầm non Thành Công được UBND Thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 7955/QĐ-UBND ngày 28/10/2019.